

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-04-2021

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Tài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Hà Văn Châu.

2/. Ông Huỳnh Phước.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn M Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 281/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/03/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Ngọc K, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Ông Trần Phúc M, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: đường Đ, khóm 4, phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2020 và lời trình bày của bà Võ Thị Ngọc K tại phiên tòa thì:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc K và ông Trần Phúc M tự nguyện

chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 12/12/2013. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, thì bà Võ Thị Ngọc K và ông Trần Phúc M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông M không chung thủy, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không còn phù hợp, cách sống khác nhau. Hiện nay, ông bà không còn chung sống như vợ chồng.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà K và ông M có một (01) người con chung tên Trần Thiên B, (nam, sinh ngày 21/5/2015), hiện nay cháu B đang sống chung với ông M tại đường Đ, khóm 4, phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Võ Thị Ngọc K yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Phúc M và đồng ý giao cháu Trần Thiên B (nam, sinh ngày 21/5/2015) cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: bà Võ Thị Ngọc K và ông Trần Phúc M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà Võ Thị Ngọc K tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*- Theo lời trình bày của ông Trần Phúc M tại văn bản ngày 13/11/2020, biên bản hòa giải ngày 02/12/2020 và tại phiên tòa thì:*

Ông Trần Phúc M thống nhất với phần trình bày của bà K về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn gia đình, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, ông M không đồng ý ly hôn với bà K vì nhận thấy còn tình cảm với bà K. Ông M thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên có cãi vã, nhưng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng dẫn đến phải ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông M đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thiên B (nam, ngày 21/5/2015), bà K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung ông M và bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại

phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà K về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần Phúc M, thấy rằng: Bà K và ông M tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59 nên hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, phía nguyên đơn và bị đơn đều trình bày thống nhất nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn gia đình, mặc dù đã được gia đình hòa giải hàn gắn nhưng không có kết quả, hiện nay bà K và ông M đã không còn sống chung như vợ chồng. Như vậy, những mâu thuẫn trên thể hiện được tình trạng hôn nhân của bà K và ông M đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được; hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau như vợ chồng, thể hiện được cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, ông bà không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K.

Đối với bị đơn ông M cho rằng ông còn thương vợ, con, nên ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên Tòa, ông M cũng thừa nhận giữa ông với bà K có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông không chung thủy, dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã và từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay ông cũng có hòa giải hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện nay, ông và bà K không còn sống chung như vợ chồng. Như vậy, ông M và bà K đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, mà mâu thuẫn giữa ông M và bà K đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên việc ông M không đồng ý ly hôn với bà K là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung, bà K và ông M thống nhất thỏa thuận, sau khi ly hôn ông M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thiên B (nam, sinh ngày 21/5/2015). Thấy rằng, sự thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn của bà K và ông M là

hoàn toàn tự nguyện. Mặc khác, cháu B hiện nay đang sinh sống ổn định với ông M và cháu sức khỏe vẫn tốt, học hành bình thường. Đồng thời ý kiến của cháu cũng muốn tiếp tục sống chung với ông M. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu Bảo, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Trần Thiên B cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, thấy rằng từ khi bà K và ông M không còn sống chung với nhau thì cháu Bảo sống cùng ông M, hiện nay cháu sức khỏe vẫn tốt, học hành bình thường. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên Tòa phía phía bị đơn ông M không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy ông M có đủ điều kiện về kinh tế để đảm bảo nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Trần Thiên Bảo không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Do bà K, ông M thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà K và ông M trình bày trong thời gian chung sống giữa ông, bà không có nợ chung, cho nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Võ Thị Ngọc K phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc K được ly hôn với ông Trần Phúc M.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, ông Trần Phúc M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thiên B (nam), sinh ngày 21/5/2015. Bà Võ Thị Ngọc K không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Võ Thị Ngọc K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Trần Thiên B không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Ngọc K phải chịu số tiền 300.000 đồng. Sau khi cần trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà K đã nộp theo biên lai số 0004756 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Võ Thị Ngọc K đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSNDTP S;
- Chi cục THADS TP S;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường 1, TPS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Lê Phước Tài**